TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh L**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST
Ngày: 20- 10 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Đinh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Phấn- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST- KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Kiện T, Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Mang Thít. Theo quyết định ủy quyền số 2965/Qđ-NH_o-PC ngày 27/12/2019.

Đại diện theo ủy quyền của ông Dương Kiện T: Ông Lê K L, Giám đốc phòng giao dịch Hòa M- Chi nhánh huyện Mang Thít. Theo giấy ủy quyền số 21/NHN_oMT-TC ngày 20/4/2020.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh 1957. Địa chỉ: Ấp T Long 2, xã

Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan*:

1. Trần Văn L, sinh 1955.

2. Trần Văn L1, sinh 1978.

3. Phan Thị Út M, sinh 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp T Long 2, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Trần Văn L, anh Trần Văn L1, chị Phan Thị Út M vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2020, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 07/12/2017, bà Nguyễn Thị B ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Mang Thít (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng số 7302LAV201705365, số vốn vay là 400.000.000đ. Mục đích vay để mua bán gạch. Lãi suất trong hạn là 8,5%/năm, quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Bà B nhận tiền vay 400.000.000đ vào ngày 07/12/2017. Ngày trả nợ cuối cùng là 07/12/2018. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/12/2017, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít xác nhận ngày 07/12/2017, gồm: Quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn L mang số phát hành CB 561839, số vào sổ CS02729, cấp 12/12/2015, đối với thửa đất 113, diện tích 1.708,4m^2, loại đất ở lâu dài và trồng cây lâu năm; quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn L mang số phát hành CB 561841, số vào sổ CS02735, cấp ngày 12/10/2015, đối với thửa đất số 121, diện tích 1.479,6m^2, loại đất trồng lúa nước. Các thửa đất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 12/10/2015 và đều toạ lạc tại ấp T Long 2, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi vay, bà B chỉ đóng lãi đến ngày 01/01/2018 là 2.361.111đ. Hiện bà B còn nợ gốc 400.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 09/4/2020 là 84.055.556đ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B trả Ngân hàng nợ gốc 400.000.000đ, lãi suất tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 09/4/2020 là 84.055.556đ. Đồng thời, yêu cầu bà B tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng từ ngày 10/4/2020 đến khi thực hiện xong hợp đồng.

Trường hợp bà B không khả năng trả nợ, Ngân hàng yêu cầu giao toàn bộ tài sản thế chấp để cơ quan có thẩm quyền phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tòa án bàn giao hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà B, ông L, anh L1 và chị M đều vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải vụ án được và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020.

Nhận định và đề xuất của Kiểm sát viên:

Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định tranh chấp kinh doanh thương mại là chưa phù hợp Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì bị đơn không có đăng ký kinh doanh, nên là tranh chấp dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác K, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 96, Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật

Xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 90, Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 , Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng miễn án phí cho bị đơn là người cao tuổi

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1.Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị B để đòi số tiền vay kinh doanh gạch. Bà B nơi cư trú tại ấp T Long 2, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vay tiền kinh doanh mua bán gạch nhằm mục đích L nhuận. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc án kinh doanh thương mại và thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bà B, ông L, anh L1 và chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa. Lần thứ nhất vào ngày 16/8/2020, lần thứ hai vào ngày 03/10/2020 bằng hình T giao nhận trực tiếp. Nhưng bà B, ông L, anh L1 và chị M không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt chị bà B, ông L, anh L1 và chị M là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B trả Ngân hàng nợ gốc 400.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 09/4/2020 là 84.055.556đ; đồng thời yêu cầu bà B tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng từ ngày 10/4/2020 đến khi thực hiện xong hợp đồng tín dụng số 7302LAV201705365 ngày 07/12/2017 là có căn cứ chấp nhận. Bởi: Tòa án đã thông báo hợp lệ nhiều lần cho bà B, ông L, anh L1, chị M biết việc thụ giải quyết vụ án, biết về các phiên hòa giải, biết về các phiên tòa. Nhưng bà B, ông L, anh L1, chị M đều vắng mặt không lý do và không phản bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Mặt khác, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ. Buộc bà B trả nợ Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 90, Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

2.2. Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ, khi bà B không khả năng trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Bởi: Bà B, ông L, anh L1 và chị M cũng không phản bác yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản. Tại hồ sơ vụ án, ông L là chồng bà B, anh L1 con bà B, chị M vợ anh L1 đều ký tên chịu trách nhiệm trong các hợp đồng liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất, như: Giấy thỏa thuận giao dịch tài sản chung ngày 07/12/2017, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 07/12/2017, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7302-LCL-2017.034.37 ngày 07/12/2017. Các hợp đồng, thỏa thuận thế chấp này đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nên ông L, anh L1 và chị M có trách nhiệm thi hành.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà B nộp án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả ra là đúng quy định. Tuy nhiên, bà B đã hơn 60 tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà B là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam:

1. Buộc bà Nguyễn Thị B trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Mang Thít nợ gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 09/4/2020 là 84.055.556đ (tám mươi bốn triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm năm mươi sáu đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị B tiếp tục chịu lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Mang Thít từ ngày 10/4/2020 theo hợp đồng tín dụng số 7302LAV201705365 ngày 07/12/2017 cho đến khi thanh toán xong hợp đồng.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị B không khả năng trả nợ cho Ngân Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Mang Thít có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng số 7302-LCL-2017.034.37 ngày 07/12/2017, gồm quyền sử dụng đất do hộ Trần Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp T Long 2, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, Cụ thể:

3.1. Thửa đất 113, diện tích 1.708,4m^2, loại đất ở lâu dài và trông cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CB 561839, số vào sổ CS02729, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 12/10/2015.

3.2. Thửa đất số 121, diện tích 1.479,6m^2, loại đất trồng lúa nước, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CB 56184, số vào sổ CS02729, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấpngày 12/10/2015.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Miễn toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bị đơn Nguyễn Thị B.

4.2. Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Mang Thít 11.681.000đ (mười một triệu sáu trăm tám mươi mốt ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 05/6/2020, lai số 0002876.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt đại diện của nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Thị B; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Trần Văn L, Trần Văn L1, Phan Thị Út M vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Mang Thít;*
- *CC. THADS huyện Mang Thít;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh